

Số: 1151/2024/QĐST-HNGĐ

G, ngày 28 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 937/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông T.V.T, sinh năm 1976; địa chỉ: Số C đường T, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà N.T.T1, sinh năm 1979; địa chỉ: Số C đường T, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông T.V.T và bà N.T.T1 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31; quyền số 01/2008 ngày 17/4/2008 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Nam Định.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 06/5/2024 và biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20/8/2024, ông T.V.T và bà N.T.T1 yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên T.X.T3, sinh ngày 29/5/1999 và T.T.T.M, sinh ngày 13/11/2005. Các con đều đã trưởng thành.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy ông T.V.T và bà N.T.T1 thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không yêu cầu chia tài sản chung.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T.V.T và bà N.T.T1 thuận tình ly hôn. (Giấy chứng nhận kết hôn số 31; quyền số 01/2008 ngày 17/4/2008 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Nam Định hết hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: Có 02 con chung tên T.X.T3, sinh ngày 29/5/1999 và T.T.T.M, sinh ngày 13/11/2005. Các con đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, ông T.V.T và bà N.T.T1 phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0014221 ngày 17/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, người yêu cầu đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.G;
- CCTHADS Q.G;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN